

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓC MÔN
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: **4918** /GDĐT-THCS

Hóc Môn, ngày **25** tháng 10 năm 2020

Về việc hướng dẫn biên soạn đề kiểm tra định kỳ và tổ chức kiểm tra đánh giá định kỳ năm học 2020 – 2021

Kính gửi: Hiệu trưởng các trường trung học cơ sở.

Căn cứ Công văn số 3232/GDĐT-TrH ngày 01 tháng 10 năm 2020 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc Hướng dẫn thực hiện kế hoạch giáo dục và kiểm tra đánh giá học sinh năm học 2020 – 2021;

Căn cứ Công văn số 3333/GDĐT-TrH ngày 21 tháng 10 năm 2020 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn biên soạn đề kiểm tra định kỳ và tổ chức kiểm tra đánh giá định kỳ năm học 2020 – 2021;

Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hóc Môn hướng dẫn các trường trung học cơ sở (THCS) biên soạn đề kiểm tra định kỳ và tổ chức kiểm tra đánh giá định kỳ năm học 2020 – 2021 như sau:

1. Kiểm tra, đánh giá định kỳ

Kiểm tra, đánh giá định kỳ được thực hiện sau mỗi giai đoạn giáo dục nhằm đánh giá kết quả học tập, rèn luyện và mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của học sinh theo chương trình môn học, hoạt động giáo dục quy định.

Kiểm tra, đánh giá định kỳ, gồm kiểm tra, đánh giá giữa kỳ và kiểm tra, đánh giá cuối kỳ, được thực hiện thông qua: bài kiểm tra (trên giấy hoặc trên máy tính), bài thực hành, dự án học tập.

Thời gian làm bài kiểm tra, đánh giá định kỳ bằng bài kiểm tra trên giấy hoặc trên máy tính (hệ thống phần mềm) từ 45 phút đến 90 phút. Đề kiểm tra được xây dựng dựa trên ma trận, đặc tả của đề, đáp ứng theo mức độ cần đạt của môn học, hoạt động giáo dục quy định.

Đối với bài thực hành, dự án học tập phải có hướng dẫn và tiêu chí đánh giá trước khi thực hiện.

2. Thời gian kiểm tra đánh giá định kỳ trong năm học 2020-2021

Kiểm tra đánh giá giữa kỳ 1: sau tuần thứ 8, tuần thứ 9 của học kỳ 1.

Kiểm tra đánh giá cuối kỳ 1: từ 20/12/2020 – 05/1/2021.

Kiểm tra đánh giá giữa kỳ 2: sau tuần thứ 7 của học kỳ 2 (tuần 25 của năm học).

Kiểm tra đánh giá cuối kỳ 2: từ ngày 3/5/2021 – 15/5/2021. Riêng học sinh khối 9 từ 25/4/2021 – 08/5/2021.

3. Nội dung kiến thức, kỹ năng kiểm tra đánh giá của bài kiểm tra đánh giá định kỳ

Kiến thức, kỹ năng trong bài kiểm tra đánh giá định kỳ phải nằm trong các mức độ của “Hướng dẫn thực hiện chuẩn kiến thức, kỹ năng của chương trình giáo dục phổ thông” của Bộ Giáo dục và Đào tạo năm 2009 và nội dung được điều chỉnh bởi công văn 3280/BGDĐT-GDTrH năm 2020. Ngữ liệu sử dụng trong bài kiểm tra đánh giá phải phục vụ cho chuẩn kiến thức kỹ năng (yêu cầu cần đạt) của bài kiểm tra đánh giá định kỳ.

Nội dung kiểm tra, đánh giá định kỳ được thực hiện từ tuần đầu học kỳ đến tuần thực hiện bài kiểm tra đánh giá định kỳ của học kỳ đó. Bài kiểm tra đánh giá định kỳ phải đảm bảo kiểm tra theo diện rộng (ở mức độ nhận biết, và thông hiểu) của kiến thức và kỹ năng, đồng thời phải đảm bảo mức độ sâu, phân hóa (ở mức độ nhận thức vận dụng và vận dụng cao).

4. Nội dung kiến thức, kỹ năng kiểm tra đánh giá định kỳ bằng hình thức khác

Kiểm tra đánh giá định kỳ bằng hình thức dự án học tập hoặc bài thực hành được thực hiện trong kế hoạch kiểm tra đánh giá của giáo viên được lãnh đạo nhà trường duyệt, được quy định trong quy chế kiểm tra đánh giá của nhà trường.

Giáo viên sử dụng kết quả đánh giá các dự án học tập hoặc bài thực hành quy đổi thành điểm kiểm tra đánh giá định kỳ phải đảm bảo các quy định sau:

- Các dự án học tập, bài thực hành được tổ chức thực hiện chuẩn kiến thức kỹ năng của môn học.

- Các dự án học tập và bài thực hành phải có đầy đủ tiêu chí đánh giá: Quá trình tiếp nhận nhiệm vụ, quá trình thực hiện nhiệm vụ và kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập, kết quả đánh giá giữa học sinh với nhau và kết quả đánh giá của giáo viên với học sinh ... Các tiêu chí được công bố cho học sinh trước khi thực hiện dự án học tập hoặc bài thực hành.

- Điểm số các dự án học tập, bài thực hành phải được quy đổi về thang điểm 10.

5. Hướng dẫn biên soạn đề kiểm tra.

Đề biên soạn đề kiểm tra cần thực hiện theo quy trình sau:

Bước 1: Xác định mục đích của đề kiểm tra

Người biên soạn đề kiểm tra cần căn cứ vào yêu cầu của việc kiểm tra, căn cứ chuẩn kiến thức kỹ năng của chương trình và thực tế học tập của học sinh để xây dựng mục đích của đề kiểm tra cho phù hợp.

Bước 2: Xác định hình thức đề kiểm tra

Đề kiểm tra có các hình thức sau: Đề kiểm tra tự luận; Đề kiểm tra trắc nghiệm khách quan.

Mỗi hình thức đều có ưu điểm và hạn chế riêng nên cần kết hợp một cách hợp lý các hình thức sao cho phù hợp với nội dung kiểm tra và đặc trưng môn học để nâng cao hiệu quả, tạo điều kiện để đánh giá kết quả học tập của học sinh chính xác hơn.

Nếu đề kiểm tra kết hợp hai hình thức (theo tỉ lệ tự luận và trắc nghiệm: 6: 4, 7: 3 thì nên cho học sinh làm bài kiểm tra phần trắc nghiệm khách quan độc lập với việc làm bài kiểm tra phần tự luận: làm phần trắc nghiệm khách quan trước, thu bài rồi mới cho học sinh làm phần tự luận.

Bước 3: Thiết lập ma trận, bản đặc tả đề kiểm tra (chi tiết mục 6 văn bản này)

Lập một bảng có hai chiều, một chiều là nội dung hay mạch kiến thức chính cần kiểm tra đánh giá, một chiều là các cấp độ nhận thức của học sinh theo các cấp độ: nhận biết, thông hiểu, vận dụng và vận dụng cao (theo các tỉ lệ: 4:3:2:1 hoặc 3: 4: 2:1 hoặc 3.5 : 3.5 : 2 : 1).

Trong mỗi ô là chuẩn kiến thức kỹ năng chương trình cần đánh giá, tỉ lệ % số điểm, số lượng câu hỏi và tổng số điểm của các câu hỏi.

Số lượng câu hỏi của từng ô phụ thuộc vào mức độ quan trọng của mỗi chuẩn cần đánh giá, lượng thời gian làm bài kiểm tra và trọng số điểm quy định cho từng mạch kiến thức, từng cấp độ nhận thức.

Bước 4: Biên soạn câu hỏi theo ma trận, bản đặc tả

Việc biên soạn câu hỏi theo ma trận cần đảm bảo nguyên tắc: mỗi câu hỏi chỉ kiểm tra một chuẩn hoặc một vấn đề, khái niệm; số lượng câu hỏi và tổng số câu hỏi do ma trận đề quy định.

Để các câu hỏi biên soạn đạt chất lượng tốt, cần biên soạn câu hỏi thoả mãn các yêu cầu tại **mục 7** của công văn này.

Bước 5: Xây dựng hướng dẫn chấm (đáp án) và thang điểm

Việc xây dựng hướng dẫn chấm (đáp án) và thang điểm đối với bài kiểm tra cần đảm bảo các yêu cầu:

- Nội dung: khoa học và chính xác;
- Cách trình bày: cụ thể, chi tiết nhưng ngắn gọn và dễ hiểu;
- Phù hợp với ma trận đề kiểm tra.

Bước 6: Xem xét lại việc biên soạn đề kiểm tra

Sau khi biên soạn xong đề kiểm tra cần xem xét lại việc biên soạn đề kiểm tra, gồm các bước sau:

- Đối chiếu từng câu hỏi với hướng dẫn chấm và thang điểm, phát hiện những sai sót hoặc thiếu chính xác của đề và đáp án. Điều chỉnh các từ ngữ, nội dung nếu thấy cần thiết để đảm bảo tính khoa học và chính xác.

- Đối chiếu từng câu hỏi với ma trận đề, xem xét câu hỏi có phù hợp với: chuẩn cần đánh giá, cấp độ nhận thức cần đánh giá, số điểm, thời gian dự kiến.

- Thử đề kiểm tra để tiếp tục điều chỉnh đề cho phù hợp với mục tiêu, chuẩn chương trình và đối tượng học sinh (nếu có điều kiện).

- Hoàn thiện đề, hướng dẫn chấm và thang điểm.

6. Các bước cơ bản thiết lập ma trận và đặc tả đề kiểm tra đánh giá (phụ lục 1)

Bước 1. Liệt kê tên các chủ đề (nội dung, chương...) cần kiểm tra đánh giá.

Bước 2. Căn cứ chuẩn kiến thức kỹ năng (bản đặc tả các yêu cầu cần đạt) xác định các chuẩn cần đánh giá đối với mỗi cấp độ tư duy.

- Lưu ý khi xác định các chuẩn cần đánh giá:

+ Chuẩn kiến thức và kỹ năng được chọn để đánh giá là chuẩn có *vai trò quan trọng* trong chương trình môn học. Đó là chuẩn kiến thức và kỹ năng có thời lượng giảng dạy nhiều trong chương trình và làm cơ sở để hiểu được các chuẩn khác;

+ Mỗi chủ đề (nội dung, chương...) đều phải có những chuẩn đại diện được chọn để đánh giá;

+ Số lượng chuẩn cần đánh giá ở mỗi chủ đề (nội dung, chương...) tương ứng với thời lượng quy định trong phân phối chương trình dành cho chủ đề (nội dung, chương...) đó. Nên để số lượng các *chuẩn kỹ năng và chuẩn đòi hỏi* mức độ tư duy cao (vận dụng) nhiều hơn.

Mức độ	Mô tả	Động từ thường dùng trong đặc tả và câu hỏi
Nhận biết	Học sinh nhớ các khái niệm cơ bản, có thể nêu lên hoặc nhận ra chúng khi được yêu cầu	<i>Kể, liệt kê, nêu tên, xác định, viết, tìm, nhận ra,...</i>
Thông hiểu	Học sinh hiểu các khái niệm cơ bản và có thể vận dụng chúng, khi chúng được thể hiện theo cách tương tự như cách giáo viên đã giảng hoặc như các ví dụ tiêu biểu về chúng trên lớp học.	<i>Giải thích, diễn giải, phác thảo, thảo luận, phân biệt, dự đoán, khẳng định lại, so sánh, mô tả..</i>
Vận dụng	Học sinh có thể hiểu được khái niệm ở một mức độ cao hơn “thông hiểu”, tạo ra được sự liên kết hợp lý giữa các khái niệm cơ bản và có thể vận dụng chúng để tổ chức lại các thông tin đã được trình bày giống với bài giảng của giáo viên hoặc trong sách giáo khoa.	<i>Giải quyết, thể hiện, sử dụng, làm rõ, xây dựng, hoàn thiện, xem xét, làm sáng tỏ..</i>
Vận dụng cao	Học sinh có thể sử dụng các kiến thức về môn học – chủ đề để giải quyết các vấn đề mới, không giống với những điều đã được học, hoặc trình bày trong sách giáo khoa, nhưng ở mức độ phù hợp nhiệm vụ, với kỹ năng và kiến thức được giảng dạy phù hợp với mức độ nhận thức này. Đây là những vấn đề, nhiệm vụ giống với các tình huống thực tiễn.	<i>Tạo ra, phát hiện ra, soạn thảo, dự báo, lập kế hoạch, xây dựng, thiết kế, tưởng tượng, đề xuất, định hình.</i>

Bước 3. Quyết định phân phối tỉ lệ % tổng điểm cho mỗi chủ đề (nội dung, chương...).

Căn cứ vào *mục đích của đề kiểm tra đánh giá*, căn cứ vào *mức độ quan trọng* của mỗi chủ đề (nội dung, chương...) trong chương trình và *thời lượng thực hiện giảng dạy* trong chương trình để phân phối tỉ lệ % tổng điểm cho từng chủ đề.

Bước 4. Quyết định tổng số điểm của bài kiểm tra, đánh giá định kỳ.

Bước 5. Tính số điểm cho mỗi chủ đề (nội dung, chương...) tương ứng với tỉ lệ %.

Đối với các đề 100% trắc nghiệm khách quan: các câu hỏi có số điểm bằng nhau, với thời gian kiểm tra 45 phút, số câu tối đa là 45 câu, mỗi câu 0,25 điểm.

Đối với đề tự luận 100%, biên soạn câu hỏi theo nhiều ý, mỗi ý 0,25 điểm, với thời gian 45 phút.

Bước 6. Tính số điểm và quyết định số câu hỏi cho mỗi chuẩn tương ứng.

Căn cứ vào mục đích của đề kiểm tra để phân phối tỉ lệ % số điểm cho mỗi chuẩn cần đánh giá, ở mỗi chủ đề, theo hàng. Giữa ba cấp độ: nhận biết, thông hiểu, vận dụng thứ tự nên theo tỉ lệ phù hợp với chủ đề, nội dung và trình độ, năng lực của học sinh.

Căn cứ vào số điểm đã xác định ở **Bước 5** để quyết định số điểm và câu hỏi tương ứng, trong đó mỗi câu hỏi dạng trắc nghiệm khách quan phải có số điểm bằng nhau (0.25 điểm/câu).

Nếu đề kiểm tra kết hợp cả hai hình thức trắc nghiệm khách quan và tự luận thì cần xác định tỉ lệ % tổng số điểm của mỗi một hình thức sao cho thích hợp.

Bước 7. Tính tổng số điểm và tổng số câu hỏi cho mỗi cột.

Bước 8. Tính tỉ lệ % tổng số điểm phân phối cho mỗi cột.

Bước 9. Đánh giá lại ma trận và chỉnh sửa nếu thấy cần thiết.

7. Các yêu cầu về câu hỏi của đề kiểm tra đánh giá.

7.1. Các yêu cầu đối với câu hỏi có nhiều lựa chọn (trắc nghiệm khách quan)

a. Một số nguyên tắc chung khi viết câu hỏi nhiều lựa chọn

Câu hỏi phải đánh giá những nội dung quan trọng của chương trình; mỗi câu hỏi phải đo một kết quả học tập quan trọng (mục tiêu xây dựng).

Cần xác định đúng mục tiêu của việc kiểm tra, đánh giá để từ đó xây dựng câu hỏi cho phù hợp.

Câu hỏi tập trung vào một vấn đề duy nhất. Tránh việc một câu trắc nghiệm này gợi ý cho một câu trắc nghiệm khác, giữa các câu độc lập với nhau.

Câu hỏi không được sai sót về nội dung chuyên môn.

Câu hỏi có nội dung phù hợp thuần phong mỹ tục Việt Nam.

Câu hỏi chưa được sử dụng cho mục đích thi hoặc kiểm tra đánh giá trước đó.

Câu hỏi phải là mới; không sao chép nguyên dạng từ sách giáo khoa hoặc các nguồn tài liệu tham khảo; không sao chép từ các nguồn đã công bố bản in hoặc bản điện tử dưới mọi hình thức.

Câu hỏi cần khai thác tối đa việc vận dụng các kiến thức để giải quyết các tình huống thực tế trong cuộc sống.

- Tránh việc sử dụng sự khôi hài.
- Tránh viết câu không phù hợp với thực tế.
- Các ký hiệu, thuật ngữ sử dụng trong câu hỏi phải thống nhất.

b. Về câu dẫn câu trắc nghiệm khách quan

Câu dẫn phải đặt ra câu hỏi trực tiếp hoặc một vấn đề cụ thể.

Không trích dẫn nguyên văn những câu có sẵn trong sách giáo khoa.

Từ ngữ, cấu trúc của câu hỏi phải rõ ràng và dễ hiểu đối với mọi học sinh.

Đảm bảo rằng các hướng dẫn trong phần dẫn là rõ ràng và việc sử dụng từ ngữ cho phép thí sinh biết chính xác họ được yêu cầu làm cái gì. Câu nên xác định rõ ràng ý nghĩa muốn biểu đạt, từ dùng trong câu phải rõ ràng, chính xác, không có sai sót và không được lẫn lộn.

Để nhấn mạnh vào kiến thức thu được nên trình bày câu dẫn theo định dạng câu hỏi thay vì định dạng hoàn chỉnh câu.

Nếu phần dẫn có định dạng hoàn chỉnh câu, không nên tạo một chỗ trống ở giữa hay ở bắt đầu của phần câu dẫn.

Tránh sự dài dòng trong phần dẫn.

Nên trình bày phần dẫn ở thể khẳng định.

Phần dẫn phải phù hợp với mức độ (nhận biết, thông hiểu, vận dụng thấp, vận dụng cao) theo ma trận đề quy định.

c. Về phương án lựa chọn

Phương án đúng của câu hỏi này phải độc lập với phương án đúng của các câu hỏi khác trong bài kiểm tra.

Mỗi câu hỏi chỉ có một phương án đúng, chính xác nhất.

Cần cân nhắc khi sử dụng những phương án có hình thức hay ý nghĩa trái ngược nhau hoặc phủ định nhau.

Các phương án lựa chọn phải đồng nhất theo nội dung, ý nghĩa tránh tình trạng câu dẫn đề cập một vấn đề, nhưng các phương án lại đề cập đến một vấn đề khác.

Các phương án lựa chọn nên đồng nhất về mặt hình thức (độ dài, từ ngữ,...).

Tránh lặp lại một từ ngữ/thuật ngữ nhiều lần trong câu hỏi.

Không đưa ra phương án “Tất cả các đáp án trên đều đúng” hoặc “không có phương án nào đúng”.

Tránh các thuật ngữ mơ hồ, không có xác định cụ thể về mức độ như “thông thường”, “phần lớn”, “hầu hết”,... hoặc các từ hạn định cụ thể như “luôn luôn”, “không bao giờ”, “tuyệt đối”...

Nên viết các phương án nhiều ở thể khẳng định.

Mỗi phương án nhiều phải hợp lý đối với những học sinh không nắm vững kiến thức.

Mỗi phương án sai nên xây dựng dựa trên các lỗi hay nhận thức sai lệch của học sinh.

Phương án nhiều không nên “sai” một cách quá lộ liễu.

Tránh sử dụng các cụm từ chưa đúng (sai ngữ pháp, kiến thức...): Hãy viết các phương án nhiều là các phát biểu đúng, nhưng không trả lời cho câu hỏi.

Lưu ý đến các điểm liên hệ về văn phạm của phương án nhiều có thể giúp học

sinh nhận biết câu trả lời.

Phương án nhiễu có thể làm thay đổi mức độ của câu hỏi.

Các phương án nhiễu nên là các phương án mà ở đó ta dự đoán học sinh đã sai lầm trong tính toán hoặc nhận thức chưa đúng về nội dung của câu dẫn.

7.2. Các yêu cầu đối với câu hỏi tự luận

Câu hỏi phải đánh giá nội dung quan trọng của chương trình.

Câu hỏi phải phù hợp với các tiêu chí ra đề kiểm tra về mặt trình bày và số điểm tương ứng.

Câu hỏi yêu cầu học sinh phải vận dụng kiến thức vào các tình huống mới.

Câu hỏi thể hiện rõ nội dung và cấp độ tư duy cần đánh giá.

Nội dung câu hỏi đặt ra một yêu cầu và các hướng dẫn cụ thể về cách thực hiện yêu cầu đó.

Yêu cầu của câu hỏi phù hợp với trình độ và nhận thức của học sinh.

Yêu cầu học sinh phải am hiểu nhiều hơn là ghi nhớ những khái niệm, thông tin.

Ngôn ngữ sử dụng trong câu hỏi phải truyền tải được hết những yêu cầu của cán bộ ra đề đến học sinh.

Câu hỏi nên nêu rõ các vấn đề: độ dài của bài luận; mục đích bài luận; thời gian để viết bài luận; Các tiêu chí cần đạt.

Nếu câu hỏi yêu cầu học sinh nêu quan điểm và chứng minh cho quan điểm của mình, câu hỏi cần nêu rõ: bài làm của học sinh sẽ được đánh giá dựa trên những lập luận logic mà học sinh đó đưa ra để chứng minh và bảo vệ quan điểm của mình chứ không chỉ đơn thuần là nêu quan điểm đó.

8. Tổ chức kiểm tra đánh giá định kỳ trong nhà trường

8.1. Việc phân công tổ chức kiểm tra đánh giá định kỳ

Hiệu trưởng xây dựng quy chế kiểm tra đánh giá học sinh trong trường, điều chỉnh, bổ sung hàng năm. Trong quy chế kiểm tra đánh giá, cần quy định cụ thể kiểm tra đánh giá định kỳ được tổ chức tập trung hay phân quyền cho giáo viên thực hiện và kiểm tra đánh giá định kỳ được tổ chức theo hình thức nào.

Nếu kiểm tra đánh giá định kỳ được tổ chức tập trung toàn trường, nhà trường cần thực hiện theo các bước:

- Phân công tổ chuyên môn xây dựng ma trận đề kiểm tra đánh giá.
- Căn cứ chuẩn kiến thức kỹ năng xây dựng bản đặc tả theo ma trận.
- Căn cứ theo ma trận và bản đặc tả, giáo viên trong tổ chuyên môn được phân công nhiệm vụ theo quyết định xây dựng đề kiểm tra đánh giá định kỳ.

Nếu tổ chức kiểm tra đánh giá định kỳ trong quy chế kiểm tra đánh giá phân công cho giáo viên bộ môn thực hiện, nhà trường cần thực hiện theo các bước:

- Phân công tổ bộ môn xây dựng đề kiểm tra đánh giá định kỳ.
- Căn cứ chuẩn kiến thức kỹ năng, tổ bộ môn xây dựng bản đặc tả theo ma trận xây dựng.

- Giáo viên căn cứ ma trận, đặc tả và các hướng dẫn xây dựng đề kiểm tra (trong công văn này) xây dựng đề kiểm tra cho lớp giảng dạy. Lưu ý: Câu hỏi chưa được sử dụng cho mục đích thi hoặc kiểm tra đánh giá trước đó.

8.2. Quy trình xây dựng đặc tả, ma trận, đề kiểm tra định kỳ

Căn cứ chuẩn kiến thức, kỹ năng của môn học, Tổ chuyên môn xây dựng bản đặc tả (các yêu cầu cần đạt) cho môn/khối cả năm.

Trước thời gian kiểm tra đánh giá định kỳ 10 ngày, trường hoàn chỉnh ma trận kiểm tra đánh giá, hoàn thành bản đặc tả cho đề kiểm tra định kỳ.

Xây dựng đề kiểm tra đánh giá (một hoặc nhiều đề) theo ma trận và bản đặc tả.

8.3. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, phần mềm máy tính trong kiểm tra đánh giá học sinh.

9. Cách thức thực hiện

Các trường phổ thông cần có kế hoạch chỉ đạo đổi mới phương pháp dạy học, trong đó có đổi mới kiểm tra đánh giá trong từng năm học. Kế hoạch cần quy định rõ nội dung các bước, quy trình tiến hành, công tác kiểm tra, thanh tra chuyên môn và biện pháp đánh giá chặt chẽ, hiệu quả cuối cùng thể hiện thông qua kết quả áp dụng của giáo viên.

Tổ chức bồi dưỡng cho đội ngũ giáo viên cốt cán và toàn thể giáo viên nắm vững Chương trình giáo dục của cấp học, từ mục tiêu cấp học, cấu trúc chương trình, chương trình các môn học, các hoạt động Giáo dục và đặc biệt là chuẩn kiến thức và kỹ năng, yêu cầu về thái độ đối với người học.

Tập trung đẩy mạnh khắc phục tình trạng giáo viên chỉ dựa vào sách giáo khoa để làm căn cứ soạn bài, giảng dạy và kiểm tra – đánh giá. Tình trạng này dẫn đến việc kiến thức của học sinh không được mở rộng, không được liên hệ nhiều với thực tiễn, làm cho giờ học trở nên khô khan, gò bó, dẫn đến kiểm tra đánh giá đơn điệu, không kích thích được sự sáng tạo của học sinh.

Trong kế hoạch chỉ đạo, phải đề ra mục tiêu, bước đi cụ thể chỉ đạo đổi mới kiểm tra, đánh giá để thu được kết quả cuối cùng, phát động, xây dựng, củng cố thành nền nếp chuyên môn vững chắc trong hoạt động dạy học:

- Nhà trường yêu cầu và tạo điều kiện cho từng giáo viên nắm vững chuẩn kiến thức, kỹ năng và yêu cầu về thái độ đối với người học đã được quy định tại chương trình môn học vì đây là *căn cứ pháp lý khách quan* để tiến hành kiểm tra, đánh giá.

- Nâng cao nhận thức về mục tiêu, vai trò và tầm quan trọng của kiểm tra, đánh giá, sự cần thiết khách quan phải đổi mới kiểm tra, đánh giá, bảo đảm khách quan, chính xác, công bằng để nâng cao chất lượng dạy học.

- Trang bị các kiến thức và kỹ năng tối cần thiết có tính kỹ thuật về kiểm tra, đánh giá nói chung và các hình thức kiểm tra, đánh giá nói riêng, trong đó đặc biệt là kỹ thuật xây dựng các đề kiểm tra. Cần sử dụng đa dạng các loại câu hỏi trong đề kiểm tra. Các câu hỏi biên soạn đảm bảo đúng kỹ thuật, có chất lượng.

10. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

10.1. Trách nhiệm của Hiệu trưởng

Tổ chức cho giáo viên nghiên cứu nắm vững chuẩn kiến thức, kỹ năng của chương trình, tập huấn cụ thể công tác xây dựng ma trận, đặc tả và đề kiểm tra theo chuẩn kiến thức và kỹ năng.

Xây dựng quy chế kiểm tra đánh giá rõ ràng, đầy đủ phân công đúng người đúng việc nhằm tổ chức hoạt động kiểm tra đánh giá trong nhà trường đúng quy định.

10.2. Trách nhiệm của Tổ chuyên môn

Tổ chức cho giáo viên nghiên cứu nắm vững chuẩn kiến thức, kỹ năng của chương trình môn học và hoạt động giáo dục mình phụ trách và tổ chức điều đặn việc dự giờ và rút kinh nghiệm, tăng cường ý thức khiêm tốn học hỏi và sẵn sàng chia sẻ kinh nghiệm; thảo luận cách giải quyết những vấn đề mới, vấn đề khó, phát huy các hoạt động tương tác và hợp tác trong chuyên môn;

Yêu cầu giáo viên thực hiện đổi mới hình thức kiểm tra đánh giá học sinh. Cần đa dạng hóa các dạng bài tập đánh giá như: các dạng bài tập nghiên cứu; đánh giá trên sản phẩm hoạt động học tập của học sinh (tập các bài làm tốt nhất của học sinh; tập tranh ảnh học sinh sưu tầm, các bài văn, bài thơ, bài báo sưu tầm theo chủ đề; sổ tay ghi chép của học sinh...); đánh giá thông qua chứng minh khả năng của học sinh (sử dụng nhạc cụ, máy móc...); đánh giá thông qua thuyết trình; đánh giá thông qua hợp tác theo nhóm; đánh giá thông qua kết quả hoạt động chung của nhóm...

Nhận được công văn này, yêu cầu Hiệu trưởng các trường có kế hoạch triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- LĐ P.GDĐT: TP, PTP/THCS;
- CV cấp THCS;
- Lưu: VT, H.Loc.



Mai Hồng Thanh

Bước 2. Xác định đặc tả của ma trận

ST T	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
	<p>I. Cơ chế di truyền và biến dị</p> <p>I.1. Gen, mã di truyền</p> <p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Liệt kê được các loại đơn phân, các liên kết có trong ADN. - Tải hiện được khái niệm gen, mã di truyền. - Liệt kê được thành phần cấu tạo của gen cấu trúc (2 mạch, 3 vùng). - Nhận dạng (tải hiện) được chức năng từng vùng của cấu trúc gen) - Liệt kê được các đặc điểm của mã di truyền. - Nhận biết được trình tự các nucleôtit trong codon mở đầu, codon kết thúc. - Nêu được chức năng của codon mở đầu, codon kết thúc trong dịch mã. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân biệt được khái niệm “gen” và “vùng”. - Trình bày được đặc điểm của mã di truyền. - Giải thích được nguyên nhân vì sao mã di truyền là mã bộ ba. - Giải thích được các đặc điểm của mã di truyền. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được khối lượng phân tử, chu kì xoắn, tổng số nucleôtit và số nucleôtit từng loại, số liên kết hiđrô trong ADN. - Xác định được trình tự nucleôtit từng mạch của ADN. - Xác định được số loại bộ ba từ các loại nucleôtit. <p>Vận dụng cao:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được số lượng và tỉ lệ % từng loại nucleôtit trên từng mạch đơn của ADN. 				
	II. Tính quy luật và hiện tượng di truyền					

Bước 3, 4, 5:

- Với thời lượng giảng dạy đến tuần 8 là 16 tiết, từ thời lượng dạy học \rightarrow tỉ lệ % điểm của bài kiểm tra từng chuyên đề \rightarrow tính số điểm cần chỉnh cho phù hợp.
- Với thời gian kiểm tra là 45 phút, ta tính toán theo đề kiểm tra kết hợp trắc nghiệm và tự luận (7:3).
- Ta có bảng tính toán như sau:

stt	NỘI DUNG KIẾN THỨC	đơn vị kiến thức	thời lượng giảng dạy	tỉ lệ %	số điểm tương đương	số điểm cần chỉnh	Tỉ lệ % điểm sau điều chỉnh	tổng số câu TN	tổng số câu TL
1	Cơ chế di truyền và biến dị	I.1. Gen, mã di truyền	3 tiết	18.8%	1.875	2.0	20%	4	1
2		I.2. Nhân đôi ADN							
3		I.3. Phiên mã, dịch mã							
4		I.4. Điều hòa hoạt động của gen	1 tiết	6.3%	0.625	0.5	5.0%	2	
5		I.5. Đột biến gen	1 tiết	6.3%	0.625	0.5	5.0%	2	
6		I.6. Đột biến NST	2 tiết	12.5%	1.25	1.25	12.5%	5	
7		I.7. Tổng hợp cơ chế di truyền và biến dị	1 tiết	6.3%	0.625	0.5	5.0%	0	1
8	Tính quy luật và hiện tượng di truyền	II.1. Quy luật phân li và Quy luật phân li độc lập	2 tiết	12.5%	1.25	1.25	12.5%	5	
9		II.2. Tương tác gen và tác động đa hiệu của gen	1 tiết	6.3%	0.625	0.5	5.0%	2	
10		II.3. Liên kết gen và Hoán vị gen	2 tiết	12.5%	1.25	1.25	12.5%	3	1
11		II.4. Di truyền liên kết với giới tính và Di truyền ngoài nhân.	1 tiết	6.3%	0.625	0.75	7.5%	3	
12		II.5. Ảnh hưởng môi trường lên sự biểu hiện của gen	1 tiết	6.3%	0.625	0.5	5.0%	2	
13		II.6. Tổng hợp quy luật di truyền	1 tiết	6.3%	0.625	1.0	10.0%	1	1
	tổng		16 tiết		100%	10	100%	28	4
	tỉ lệ				100%				
	tổng điểm				10.00				

- Cân đối theo tỉ lệ mức độ nhận thức: nhận biết : thông hiểu: vận dụng : vận dụng cao là 4:3:2:1.
- Nhận biết và thông hiểu theo mức rộng nên kiểm tra hình thức trắc nghiệm.
- Vận dụng và Vận dụng cao: kiểm tra chiều sâu và phân hóa nên kiểm tra tự luận.
- Đề kiểm tra sẽ có 28 câu trắc nghiệm (70%) và 4 câu tự luận (30%)

BƯỚC 6, 7, 8, 9

stt	NỘI DUNG KIẾN THỨC	ĐƠN VỊ KIẾN THỨC	CÂU HỎI THEO MỨC ĐỘ NHẬN THỨC																		tổng số câu		Tổng thời gian	Tỉ Lệ %			
			NHẬN BIẾT						THÔNG HIỂU						VẬN DỤNG				VẬN DỤNG CAO								
			Ch TN	Thời gian	ch TL	Thời gian	Ch TN	Thời gian	ch TL	Thời gian	Ch TN	Thời gian	Ch TL	Thời gian	Ch TN	Thời gian	ch TL	Thời gian	Ch TN	Ch TL							
	Cơ chế di truyền và biến dị	I.1. Gen, mã di truyền I.2. Nhân đôi ADN I.3. Phiên mã, dịch mã I.4. Điều hòa hoạt động của gen I.5. Đột biến gen I.6. Đột biến NST I.7. Tổng hợp cơ chế di truyền và biến dị	1	0.75	-	-	1	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1	0	0.75	20%					
			1	0.75	-	-	1	1	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2	0		1.75				
			1	0.75	-	-	-	-	-	-	-	1	5	-	-	-	-	-	-	1	1		5.75				
			1	0.75	-	-	1	1	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2	0		1.75	5%			
			1	0.75	-	-	1	1	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2	0		1.75	5%			
			3	2.25	-	-	2	2	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	5	0		4.25	12.5%			
					-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1	1		5.5	5%			
					3	2.25	-	-	2	2	-	-	-	-	-	-	-	-	-	5	0		4.25	12.5%			
			Tinh quy luật và hiện tượng di truyền Quy luật Mendel	II.1. Quy luật phân li và Quy luật phân li độc lập II.2. Tương tác gen và tác động đa hiệu của gen II.3. Liên kết gen và Hoán vị gen II.4. Di truyền liên kết với giới tính và Di truyền ngoài nhân. II.5. Ảnh hưởng môi trường lên sự biểu hiện của gen II.6. Tổng hợp quy luật di truyền	1	0.75	-	-	1	1	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2	0		1.75	5%			
					2	1.5	-	-	1	1	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3		1	8.0	12.5%		
					2	1.5	-	-	1	1	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3		0	2.5	8%		
							-	-	2	2	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		2	0	2	5%	
							-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		0	1	5	10%	
							-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		0	1	5	10%	
				tổng	16	12	0	0	12	12	0	0	0	0	0	0	0	2	10	0	0		2	11			
				tỉ lệ	40%						30%						20%				10%						
				tổng điểm	4 điểm						3 điểm						2 điểm				1 điểm						